

Số: **31** /2013/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **06** tháng 8 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với  
người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn  
và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ;

Thực hiện Nghị quyết số 08/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số: 1650/LN:SNV-STC ngày 05/8/2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định về số lượng, chức danh, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:

1. Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn

a) Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn

- Xã, phường, thị trấn loại 1 được bố trí tối đa không quá 22 người

- Xã, phường, thị trấn loại 2 được bố trí tối đa không quá 20 người

- Xã, phường, thị trấn loại 3 được bố trí tối đa không quá 19 người.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn có 18 chức danh:

Trưởng ban Tổ chức Đảng; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng; Trưởng ban Tuyên giáo; Văn phòng Đảng ủy; Trưởng Đài truyền thanh; Nhân viên Đài truyền thanh; Quản lý nhà văn hóa; Kế hoạch - Giao thông thủy lợi - Công nghiệp - Nông lâm nghiệp (ở xã) hoặc Dịch vụ - Du lịch - Thương mại - Đô thị (ở phường, thị trấn); Phó Trưởng Công an xã (nơi chưa có lực lượng công an chính quy); Phó Chỉ

huy trưởng quân sự; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Chủ tịch Hội người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó Chủ tịch Hội Nông dân; Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã, phường, thị trấn; Công an viên thường trực tại trụ sở xã, thị trấn.

c) Mức phụ cấp của mỗi chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn quy định tại biểu số 01/PCKCT kèm theo.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có 07 chức danh:

Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố; Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; Công an viên ở thôn; Thôn đội trưởng, Tổ đội trưởng; Bảo vệ dân phố; Nhân viên y tế thôn, bản.

b) Mức phụ cấp của mỗi chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố quy định tại biểu số 02/PCKCT kèm theo.

3. Khuyến khích các xã, phường, thị trấn bố trí kiêm nhiệm các chức danh người hoạt động không chuyên trách. Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố nếu kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách khác được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 30% mức phụ cấp của chức danh không chuyên trách kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 30% mức phụ cấp chức danh cao nhất. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

4. Hỗ trợ đóng Bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn và tổ dân phố bằng 3% mức phụ cấp hàng tháng (trừ những trường hợp đang được hưởng chế độ bảo hiểm y tế).

5. Nguồn kinh phí thực hiện mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh và 3% bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, tổ dân phố từ nguồn kinh phí khoản quỹ phụ cấp của ngân sách trung ương và nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương; được cân đối trong dự toán ngân sách xã, phường, thị trấn hàng năm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2013.

Quyết định này thay thế Quyết định số 73/2008/NQ-HĐND ngày 31/12/2008 của UBND Thành phố về việc quy định mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội; thay thế quy định về mức phụ cấp đối với Phó Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã tại khoản 5 Điều 2 Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 về phân cấp nhiệm vụ chi thực hiện Luật Dân sự quân tụy vệ giữa các cấp ngân

sách và một số chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn thành phố Hà Nội; thay thế quy định về mức phụ cấp đối với Phó Trưởng công an xã tại tiết 2.2.1 mục 2.1 khoản 2 Điều 2 Quyết định số 19/2011/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội về kiện toàn tổ chức, chế độ chính sách đối với lực lượng công an xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành Thành phố có liên quan và Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Nội vụ, Công an;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, PCT UBND Thành phố;
- Cục Kiểm tra Văn bản-Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Như Điều 3;
- Văn phòng: Thành ủy, ĐDBQH&HĐND TP;
- Trung tâm Công báo; Cổng giao tiếp điện tử TP;
- CVP, các PCVP, TH, KT, VHKG, NC;
- Lưu: VT, KT(Hùng).

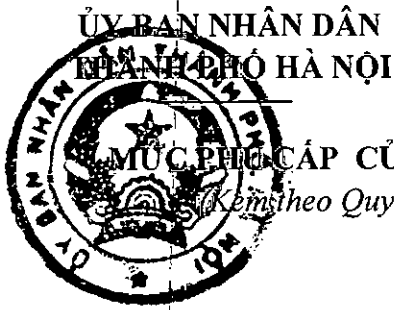
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Huy Tường**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Biểu số 01/PCKCT

**MỨC PHỤ CẤP CỦA NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ**

(Kèm theo Quyết định số 31 /2013/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2013  
của UBND thành phố Hà Nội)

Số TT	Chức danh người hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn	Mức phụ cấp (Hệ số so với mức lương cơ bản)
1	Trưởng Ban tổ chức Đảng	1.0
2	Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra đảng	1.0
3	Trưởng Ban tuyên giáo	1.0
4	Văn phòng đảng ủy	1.46
5	Trưởng Đài truyền thanh	1.46
6	Quản lý nhà văn hoá	1.0
7	Nhân viên đài truyền thanh	1.0
8	Kế hoạch-GTTL-CN-NLN; (Dịch vụ, DL, TM, ĐT)	1.0
9	Phó Trưởng Công an	1.86
10	Phó Chỉ huy trưởng quân sự	1.86
11	Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc	1.0
12	Phó Chủ tịch Hội cựu chiến binh	0.9
13	Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ	0.9
14	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	0.9
15	Phó Bí thư Đoàn thanh niên	0.9
16	Chủ tịch Hội người cao tuổi	1.0
17	Chủ tịch Hội chữ thập đỏ	1.0
18	Công an viên thường trực tại xã	1.2

**MỨC PHỤ CẤP CỦA NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH  
Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

(Kèm theo Quyết định số: 31 /2013/QĐ-UBND ngày 06 / 8 /2013  
của UBND thành phố Hà Nội)

Số TT	Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	Mức Phụ cấp (Hệ số so với mức lương cơ bản)		
		Thôn, tổ dân phố loại 1	Thôn, tổ dân phố loại 2	Thôn, tổ dân phố loại 3
1	Bí thư chi bộ	1.0	0.8	0.6
2	Trưởng thôn, tổ trưởng dân phố	1.0	0.8	0.6
3	Phó thôn, tổ phó dân phố	0.7	0.5	0.4
4	Công an viên ở thôn	0.7		
5	Thôn đội trưởng, Tổ đội trưởng	0.7		
6	Bảo vệ dân phố:			
	- Trưởng ban Bảo vệ dân phố	0.71		
	- Phó Ban Bảo vệ dân phố	0.66		
	- Tổ Trưởng Tổ Bảo vệ dân phố	0.61		
	- Tổ phó Tổ Bảo vệ dân phố	0.59		
	- Tổ viên Tổ Bảo vệ dân phố	0.55		
7	Nhân viên y tế thôn, bản:			
	- Nhân viên y tế thôn ở xã đồng bằng	0.35		
	- Nhân viên y tế thôn, bản ở xã miền núi	0.55		